

**THÔNG BÁO**  
**TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 3, THÁNG 10 NĂM 2023**

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ; Quyết định số 86/QĐ-ĐHTM ngày 19/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ; Quyết định số 126/QĐ-ĐHTM ngày 24/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy định tuyển sinh sau đại học; Chi tiêu tuyển sinh trình độ thạc sĩ dự kiến năm 2023, Trường Đại học Thương mại thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 3, tháng 10 năm 2023 như sau:

**1. Mục tiêu và hình thức đào tạo**

**1.1 Mục tiêu đào tạo:** Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ thuộc 2 nhóm chương trình đào tạo: định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng.

- Chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu của ngành và phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp để có thể độc lập nghiên cứu, phát triển các quan điểm, lý thuyết khoa học, thử nghiệm kiến thức mới vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn; có khả năng thực hiện công việc ở các vị trí nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn và hoạch định chính sách hoặc các vị trí khác thuộc lĩnh vực ngành đào tạo.

- Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng thiết kế sản phẩm, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế.

**1.2 Hình thức đào tạo:** Chính quy và Vừa làm vừa học

**2. Các ngành/CTĐT tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến**

| STT | Tên ngành/CTĐT   | Mã số   | Chỉ tiêu dự kiến |
|-----|--|---------|------------------|
| 1   | Quản trị kinh doanh  | 8340101 | 125              |
| 2   | Kế toán  | 8340301 | 50               |
| 3   | Quản lý kinh tế  | 8310110 | 200              |
| 4   | Tài chính - Ngân hàng  | 8340201 | 80               |
| 5   | Quản trị nhân lực  | 8340404 | 35               |
| 6   | Kinh doanh thương mại (gồm 2 chuyên ngành:<br>Kinh doanh thương mại và Marketing thương mại) | 8340121 | 50               |

*Ghi chú:* Căn cứ vào số lượng người dự tuyển đăng ký và kết quả tuyển sinh thực tế, chỉ tiêu tuyển sinh cụ thể cho từng ngành sẽ được điều chỉnh lại cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

### 3. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ theo hình thức chính quy là 1,5 năm (18 tháng), theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học là 2,0 năm (24 tháng), bao gồm cả thời gian học các học phần và thời gian viết, bảo vệ luận văn/đề án tốt nghiệp thạc sĩ. Trong đó:

- Định hướng nghiên cứu – Chính quy học vào các buổi sáng, chiều từ thứ 2 đến thứ 6 (trực tiếp, trực tuyến kết hợp).

- Định hướng ứng dụng – Chính quy: (1) Học vào 2 buổi tối trong tuần (trực tuyến) và sáng, chiều thứ bảy (trực tiếp); (2) Học vào các buổi tối từ thứ 2 đến thứ 6 (trực tiếp, trực tuyến kết hợp).

- Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học: Học vào các buổi sáng, chiều các ngày thứ bảy và chủ nhật (trực tiếp, trực tuyến kết hợp).

Ghi chú: Học viên có thể đăng ký lựa chọn học theo hình thức học phù hợp. Đối với cùng một chương trình đào tạo, quy mô lớp học phải đảm bảo tối thiểu từ 15 học viên trở lên.

### 4. Phương thức tuyển sinh và thang điểm xét tuyển

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển thông qua đánh giá hồ sơ và phỏng vấn người dự tuyển.

- Thang điểm xét tuyển: Theo quy định tại Phụ lục 01 của Thông báo.

### 5. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

Đối tượng dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân Việt Nam và người nước ngoài đáp ứng được điều kiện sau:

#### 5.1. Điều kiện văn bằng

Người dự tuyển đã tốt nghiệp trình độ đại học ngành phù hợp được đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ, trong đó:

a) Người dự tuyển tốt nghiệp đại học ngành/CTĐT trong danh mục các ngành nhóm 1 (ngành đúng, ngành gần hoặc các ngành/CTĐT ở trình độ đại học của Trường ĐHTM cấp bằng có độ tương đồng  $\geq 50\%$  so với CTĐT của ngành đăng ký dự tuyển), không phải học bổ sung kiến thức trước khi xét tuyển, được dự tuyển theo chương trình thạc sĩ định hướng nghiên cứu và chương trình thạc sĩ định hướng ứng dụng ngay sau khi tốt nghiệp đại học.

b) Người dự tuyển tốt nghiệp đại học ngành/CTĐT trong danh mục các ngành thuộc nhóm 2 (phải học bổ sung) chỉ được dự tuyển theo chương trình định hướng ứng dụng nếu có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự tuyển và hoàn thành việc học bổ sung kiến thức 5 học phần (03 học phần cơ sở ngành và 02 học phần ngành) trong chương trình đào tạo bậc đại học của ngành dự tuyển tương ứng; không được dự tuyển theo chương trình định hướng nghiên cứu. Quy định các học phần bổ sung của từng ngành thực hiện theo Quyết định số 165/QĐ-ĐHTM ngày 17/02/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại và Quyết định số 910a/QĐ-ĐHTM ngày 06/6/2022 sửa đổi, bổ sung quy định học bổ sung kiến thức cho ứng viên đăng ký dự tuyển CTĐT định hướng ứng dụng. Danh mục các ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ được quy định tại Phụ lục 02 của Thông báo.

Người dự tuyển được xem xét miễn học và thi học phần bổ sung nếu thoả mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Học phần xin miễn có tên trong Bảng điểm đại học của người dự tuyển (tên học phần ghi trong bảng điểm phải hoàn toàn trùng khớp với tên học phần bổ sung); (ii) Học phần có số tín chỉ từ 2 trở lên; (iii) Điểm học phần phải từ 5 trở lên (thang điểm 10).

c) Người tốt nghiệp đại học các ngành không có trong danh mục ngành phù hợp quy định tại Phụ lục 02 - Thông báo (các ngành theo quy định cũ trước đây), Trường ĐHTM sẽ căn cứ vào Bảng điểm đại học để xét điều kiện về văn bằng đối với từng trường hợp cụ thể.

d) Người dự tuyển có bằng đại học, thạc sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được công chứng tiếng Việt và nộp kèm theo văn bản xác nhận văn bằng của Cục Quản lý Chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo<sup>1</sup>. Trường sẽ thành lập Hội đồng xét công nhận khối lượng chuyển đổi kết quả học tập và các học phần phải học bổ sung.

## **5.2. Điều kiện về năng lực ngoại ngữ**

a) Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Ngôn ngữ nước ngoài được áp dụng là tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật và tiếng Nga.

Ứng viên đáp ứng yêu cầu này khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Thương mại cấp trong thời gian không quá 02 (hai) năm tính đến ngày dự tuyển mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu tiếng Anh đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (quy định tại Phụ lục 03- Thông báo) hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực (trong thời hạn 02 năm) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

- Người dự tuyển không có chứng chỉ, văn bằng ngoại ngữ như quy định ở trên cần đăng ký tham gia kì thi đánh giá năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh) do Trường Đại học Thương mại tổ chức. Thông tin cụ thể về các kì đánh giá sẽ được thông báo trên website của Trường. Người dự tuyển đã tham dự các kì đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào do Trường tổ chức có giá trị 02 năm kể từ ngày ra Quyết định công nhận kết quả thi đến ngày đăng ký dự tuyển.

b) Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

## **5.3. Điều kiện về lý lịch**

Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

<sup>1</sup> Trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được quy định tại Thông tư số 13/2021/TT-BGDĐT ngày 15/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **5.4. Điều kiện về sức khỏe**

Người dự tuyển có đủ sức khỏe để học tập. Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học Trường Đại học Thương mại sẽ xem xét, quyết định cho dự tuyển tùy tình trạng sức khoẻ và yêu cầu của ngành học.

**5.5. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn** theo quy định của Trường Đại học Thương mại.

#### **6. Đối tượng và chính sách ưu tiên**

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT- BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo và Quyết định số 86/QĐ-ĐHTM ngày 19/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại.

##### **6.1. Đối tượng ưu tiên**

a) Người dự tuyển có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh trình độ đại học hiện hành. Trong trường hợp này, người dự tuyển phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

##### **6.2. Chính sách ưu tiên**

Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại mục 6.1 của Thông báo (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả xét tuyển 10 điểm theo thang điểm 100.

#### **7. Kế hoạch tuyển sinh**

##### **7.1 Hồ sơ dự tuyển**

- Phiếu đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ;

- Bản sao có chứng thực bằng/giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học, bằng điểm đại học, chứng chỉ ngoại ngữ, bằng thạc sĩ (nếu có), bằng điểm cao học (nếu có). Người dự tuyển có bằng đại học hệ liên thông phải nộp cả bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp và bằng điểm trung cấp/cao đẳng. Đối với người dự tuyển tốt nghiệp đại học trong năm tuyển sinh chưa có bằng tốt nghiệp thì yêu cầu Giấy chứng nhận tạm thời trong đó ghi rõ số Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học hoặc bản sao Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học;

- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của chính quyền địa phương, hoặc thủ trưởng cơ quan công tác. Ảnh trên sơ yếu lý lịch phải đóng dấu giáp lai;

- Minh chứng công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu (nếu có);

- Bản sao công chứng giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên hoặc minh chứng về thâm niên công tác (nếu có);

- 01 Bản trích sao quyết định công nhận kết quả học bổ sung kiến thức hoặc Biên nhận đăng ký học bổ sung kiến thức (nếu có);
- Bản sao căn cước công dân;
- 04 Ảnh màu cỡ 4x6 (ghi rõ họ tên, ngày sinh của người dự tuyển vào mặt sau của ảnh);
- 01 Giấy chứng nhận của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo về các văn bằng tốt nghiệp đại học do các trường đại học nước ngoài cấp (nếu có);
- Các giấy tờ khác (nếu có).

## 7.2. Hướng dẫn quy trình và thủ tục nộp đăng ký dự tuyển trình độ thạc sĩ

Việc nộp hồ sơ dự tuyển thạc sĩ được thực hiện theo hai bước:

Bước 1: Đăng ký hồ sơ trực tuyến

- Người dự tuyển đăng ký trực tuyến tại địa chỉ (<https://tuyensinhshdh.tmu.edu.vn/>) sau đó xuất phiếu đăng ký và giấy xác nhận đăng ký gửi kèm cùng hồ sơ.
- Thời gian khai hồ sơ trực tuyến: từ ngày ra thông báo đến trước ngày nộp hồ sơ bản giấy.

Bước 2: Nộp hồ sơ bản giấy

- Người dự tuyển tải hồ sơ dự tuyển thạc sĩ tại địa chỉ <https://saudaihoc.tmu.edu.vn/>. Hoàn thiện các giấy tờ cần thiết ở mục 7.1.
- Thời gian nộp hồ sơ vào giờ hành chính các ngày làm việc (từ thứ hai đến thứ sáu) trong khoảng thời gian từ ngày 12/6/2023 đến ngày 14/7/2023 và từ ngày 31/7/2023 đến ngày 13/10/2023.
- Hình thức nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp tại Viện Đào tạo Sau đại học hoặc chuyển phát nhanh hoặc thư đảm bảo qua đường bưu điện.
- Địa chỉ nhận hồ sơ: Phòng 101, nhà T, Viện Đào tạo Sau đại học – Trường Đại học Thương mại, 79 Hồ Tùng Mậu, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Lệ phí xét tuyển: 750.000 đồng. Nộp theo hình thức chuyển khoản.
- Người dự tuyển chuyển khoản lệ phí xét tuyển theo số tài khoản:

|   |  |
|---|--|
| Ngân hàng Vietcombank<br>– Chi nhánh Hà Thành | <b>Số tài khoản:</b> 1021493056<br><b>Chủ tài khoản:</b> Trường Đại học Thương mại<br><b>Nội dung chuyển khoản:</b> LPT29B Họ và tên_chuyên ngành<br>(Ví dụ: LPT29B_Nguyen Van A_QLKT) |
|---|--|

## 7.3. Thời gian đăng ký và học bổ sung kiến thức

- Thời gian đăng ký: Từ ngày 12/6/2023.
- Thời gian học: dự kiến tổ chức vào tối thứ sáu và sáng, chiều các ngày thứ Bảy, chủ Nhật, bắt đầu từ ngày 31/07/2023 (trực tuyến, trực tiếp kết hợp).

## 7.4. Lịch thi và đăng ký ôn thi tiếng Anh

- Thời gian đăng kí ôn thi tiếng Anh từ ngày 12/6/2023 đến ngày 14/7/2023 và từ ngày 31/7/2023 đến ngày 13/10/2023.

- Thời gian tổ chức Kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam cấp chứng chỉ VSTEP dự kiến vào các ngày **15,16/08/2023 và 30/9, 01/10/2023;**

- Thời gian tổ chức Kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh nội bộ theo định dạng tương đương Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam cấp chứng nhận dự kiến vào ngày **22 tháng 10 năm 2023.**

Trường tổ chức ôn thi miễn phí cho người dự tuyển đăng ký thi đánh giá năng lực tiếng Anh nội bộ (CEFR) và hỗ trợ lệ phí thi cấp Chứng chỉ tiếng Anh VSTEP cho người dự tuyển đăng ký dự thi tại Trường (hoàn trả lệ phí khi người dự tuyển trúng tuyển và nhập học).

#### **7.5. Thời gian xét tuyển và gửi giấy báo**

- Thời gian xét tuyển (dự kiến): **Chủ Nhật, ngày 29 tháng 10 năm 2023** tại Trường Đại học Thương mại.

- Thời gian gửi thông báo xét tuyển (qua thư điện tử): ít nhất 07 ngày trước ngày xét tuyển.

#### **7.6. Thời gian công bố kết quả tuyển sinh và khai giảng khóa học**

- Công bố kết quả tuyển sinh: Dự kiến từ ngày 01/11/2023 đến ngày 03/11/2023.

- Nhập học và khai giảng: Dự kiến từ ngày 08/11/2023 đến ngày 19/11/2023.

#### **8. Học phí trong quá trình học tập**

- Đơn giá học phí được công bố theo Thông báo mức thu học phí hàng năm của Trường, mức tăng tối đa 10%/năm và được công bố công khai trên Website của Trường.

Chi tiết xem tại Website: Viện Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Thương mại (<https://saudaihoc.tmu.edu.vn/>).

- Sinh viên mới tốt nghiệp Trường ĐHTM (01 năm kể từ ngày có Quyết định công nhận tốt nghiệp đến ngày đăng ký xét tuyển) sẽ được hỗ trợ 10% học phí toàn khóa học.

#### **9. Thông tin liên hệ**

- Viện Đào tạo Sau đại học, Phòng 101, nhà T-Trường Đại học Thương mại, 79 Hồ Tùng Mậu, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội.

- Điện thoại: Hotline/Zalo **090.1716.333 hoặc 0905.72.33.88**

- Trang thông tin điện tử Trường Đại học Thương mại: <https://tmu.edu.vn> hoặc trang thông tin điện tử Viện Đào tạo Sau đại học: <https://saudaihoc.tmu.edu.vn>.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo)
- Các bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố;
- Các viện nghiên cứu, trường đại học, học viện;
- Lưu: VT, Viện ĐTSĐH



**Phụ lục 01: Thang điểm xét tuyển trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Thương mại**

| NỘI DUNG VÀ YÊU CẦU   |   | THANG ĐIỂM | TỔNG ĐIỂM TỐI ĐA | TỶ TRỌNG |
|---|---|------------|------------------|----------|
| <b>I. TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC</b>  |   |            | 30               | 30%      |
| Nhóm 1<br>(Các ngành không phải học BSKT)   | Xuất sắc  | 30         |                  |          |
|   | Giỏi  | 27         |                  |          |
|   | Khá   | 25         |                  |          |
|   | Trung bình khá  | 23         |                  |          |
|   | Trung bình  | 21         |                  |          |
| Nhóm 2<br>(Các ngành học BSKT theo quy định)  | Không tính xếp loại   | 20         |                  |          |
| <b>Lưu ý:</b> Bằng đại học hoặc tương đương do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp mà không có xếp loại sẽ được tính điểm quy đổi là 25 điểm |   |            |                  |          |
| <b>II. BÀI BÁO KHOA HỌC</b>   |   |            | 5                | 5%       |
| 1   | Bài báo đăng ở tạp chí khoa học quốc tế có uy tín   | 5          |                  |          |
|   | - Tác giả chính   | 5          |                  |          |
|   | - Thành viên tham gia   | 4          |                  |          |
| 2   | Bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.  | 4          |                  |          |
|   | - Tác giả chính   | 4          |                  |          |
|   | - Thành viên tham gia   | 3          |                  |          |
| 3   | Bài báo toàn văn đăng ở kỉ yếu hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia có phân biện, có chỉ số ISBN hoặc đăng ở tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,5 điểm liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu | 3          |                  |          |
|   | - Tác giả chính   | 3          |                  |          |
|   | - Thành viên tham gia   | 2          |                  |          |
| <b>III. KINH NGHIỆM CÔNG TÁC (năm):</b>   |   |            | 5                | 5%       |
|   | - Từ 5 năm trở lên  | 5          |                  |          |
|   | - Từ 1 - 5 năm  | 4          |                  |          |
|   | - Dưới 1 năm  | 2          |                  |          |
| <b>IV. PHÒNG VẤN ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC</b>  |   |            | 60               | 60%      |
| 1   | Mức độ nắm vững kiến thức ngành đăng ký dự tuyển  | 30         |                  |          |
| 2   | Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình   | 20         |                  |          |
| 3   | <b>Các phẩm chất khác theo đánh giá của người chấm:</b> Sự ham hiểu biết, tính sáng tạo, tính kỷ luật, trung thực, khả năng tổ chức sắp xếp công việc, tính kiên định   | 10         |                  |          |

**Phụ lục 02: Danh mục các ngành đại học được coi là phù hợp với ngành đào tạo  
trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Thương mại**

| TT | Ngành                 | <p align="center"><b>Nhóm 1:</b><br/>Các ngành/CTĐT không cần học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển</p>  | <p align="center"><b>Nhóm 2:</b><br/>Các ngành phải học bổ sung đảm bảo nền tảng kiến thức đầu vào cần thiết cho ngành đăng ký dự tuyển</p>   |
|----|-----------------------|---|---|
| 1  | Quản trị kinh doanh   | <p>- Ngành đúng: Quản trị kinh doanh (7340101);</p> <p>- Ngành gần: Các ngành đào tạo thuộc nhóm ngành Kinh doanh - quản lý (mã ngành 73401);</p> <p>- Các ngành/CTĐT của Trường ĐHTM cấp bằng từ 2016 tới nay có độ tương đồng <math>\geq 50\%</math> so với CTĐT Quản trị kinh doanh trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại: Quản lý kinh tế, Quản trị khách sạn, Logistics, Kế toán, Tài chính ngân hàng, Quản trị nhân lực.</p>   | <p>- Các ngành đào tạo không thuộc nhóm 1 nhưng trong chương trình đào tạo phải có 2 trong các môn học sau:</p> <p>(1) Kinh tế chính trị/Kinh tế chính trị MLN/Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lê Nin;</p> <p>(2) Kinh tế học/Kinh tế vĩ mô/Kinh tế vi mô/Kinh tế ứng dụng/Kinh tế quản lý.</p> <p>(3) Các học phần Quản trị/Quản lý/Kinh doanh (các học phần có từ “quản trị”, “quản lý”, “kinh doanh”).</p>  |
| 2  | Kinh doanh thương mại | <p>- Ngành đúng: Kinh doanh thương mại (7340121) và Marketing (7340115);</p> <p>- Các ngành đào tạo ở trình độ ĐH gần với ngành đăng ký dự tuyển (cùng nhóm ngành + các ngành/CTĐT của Trường có <math>\geq 50\%</math> tỷ lệ tương đồng)</p> <p>+ Các ngành thuộc nhóm ngành Kinh doanh (73401), bao gồm: ngành (1) Quản trị kinh doanh (7340101), (2) Bất động sản (7340116), (3) Kinh doanh quốc tế (7340120), (4) Thương mại điện tử (7340122), (5) Kinh doanh thời trang và dệt may (7340122);</p> <p>+ Các ngành của hệ đào tạo quốc tế về marketing, thương mại, bán hàng: Marketing và phân phối của Rouen, 2. Marketing và Bán hàng (hay Thương mại và bán hàng) của Lyon;</p> <p>+ Các ngành thuộc nhóm Kinh doanh và Quản lý (734) và nhóm ngành Kinh tế đang được đào tạo có <math>\geq 50\%</math> số tín chỉ tương đồng với CTĐT Marketing thương mại của Trường ĐHTM (60TC trở lên): như các chương trình đào tạo sau của Đại học Thương mại: Quản trị khách sạn (CT đại trà), Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành (CT đại trà), Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Kế toán doanh nghiệp, Tài chính – Ngân hàng, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị nhân lực.</p> | <p>- Các ngành khác của trường thuộc nhóm Kinh doanh và Quản lý (734) và nhóm Kinh tế có mức tương đồng dưới 50%, như với CTĐT Marketing thương mại có các CTĐT: Quản trị khách sạn (CT đặc thù), Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành (CT đặc thù), Kế toán công, Kế toán chất lượng cao, Kiểm toán, Kinh tế quốc tế, Tài chính công, Tài chính chất lượng cao, Quản lý kinh tế, Hệ thống thông tin quản lý (đặc thù).</p> <p>- Các ngành thuộc nhóm Kinh doanh và Quản lý (734) và nhóm ngành Kinh tế học (73101), hoặc các ngành khác có “kinh doanh”, “quản lý” hoặc “quản trị”.<br/>Cụ thể:</p> <p>+ Nhóm Kinh doanh và Quản lý (734) là Kinh doanh và quản lý</p> <p>+ Nhóm Kinh tế (73101) là Kinh tế học</p> <p>+ Các ngành đào tạo không thuộc các ngành nhóm 1 và 2 nhưng trong CTĐT có một trong các học phần sau: Kinh tế học, Kinh tế vĩ mô, Kinh tế vi mô, Kinh tế ứng dụng, Kinh tế quản lý, Quản trị học, Nguyên lý quản trị, Quản trị học căn bản; Marketing căn bản, Marketing, Marketing quốc tế, marketing ngân hàng (có học phần về marketing), Quản trị Thương hiệu, các học phần về Thương mại, hoặc về Kinh doanh, hoặc về Quản lý.</p> |



|   |                            |   |   |
|---|----------------------------|---|---|
| 3 | <b>Kế toán</b>             | <p>- Ngành đúng: Kế toán (7340301)<br/> - Ngành gần: Kiểm toán (7340302)<br/> - Các ngành/CTĐT ở trình độ đại học của Trường ĐHTM cấp bằng có độ tương đồng <math>\geq 50\%</math> so với CTĐT Kế toán của Trường ĐHTM: Tài chính ngân hàng thương mại, Tài chính công thuộc Nhóm ngành Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm (73402); Ngành Quản trị kinh doanh (7340101) thuộc nhóm ngành Kinh doanh.</p>  | <p>- Các ngành đào tạo của Trường ĐHTM thuộc lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý (mã 734), có mức tương đồng dưới 50%: Marketing; Kinh doanh quốc tế; Quản trị thương hiệu, Logistics và quản trị chuỗi cung ứng, Quản lý kinh tế; Quản trị nhân lực; Quản trị khách sạn; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Thương mại quốc tế; Thương mại điện tử, Hệ thống thông tin quản lý...<br/> - Các ngành đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học khác thuộc nhóm ngành Kinh doanh và Quản lý (mã 734) (không tính nhóm ngành Kế toán – Kiểm toán đã liệt kê ở Nhóm 1), gồm: nhóm ngành Kinh doanh (73401), nhóm ngành Tài chính-NH-BH (73402), nhóm ngành Quản trị - Quản lý (73404)</p> |
| 4 | <b>Tài chính-Ngân hàng</b> | <p>- Ngành cùng nhóm ngành: Ngân hàng; Tài chính – Ngân hàng thương mại; Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm; Tài chính Bảo hiểm; Thị trường chứng khoán; Kinh doanh chứng khoán; Tài chính công; Quản lý tài chính công; Thuế; Quản lý thuế; Hải quan và nghiệp vụ kỹ thuật ngoại thương; Tài chính quốc tế; Tài chính doanh nghiệp; Định giá tài sản và Kinh doanh bất động sản; Phân tích tài chính; Phân tích chính sách tài chính; Đầu tư tài chính,...;<br/> - Các ngành/CTĐT ở trình độ đại học của Trường ĐHTM cấp bằng có độ tương đồng <math>\geq 50\%</math> so với CTĐT Tài chính – Ngân hàng của Trường ĐHTM: Kế toán doanh nghiệp; Kiểm toán; Kế toán công; Quản trị kinh doanh.</p> | <p>- Các ngành đào tạo của Trường thuộc lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý (mã 734), có mức tương đồng dưới 50%: Marketing; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Quản lý kinh tế; Quản trị nhân lực; Quản trị khách sạn; Du lịch lữ hành; Thương mại quốc tế; Thương mại điện tử; Hệ thống thông tin quản lý ...<br/> - Các ngành đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học khác thuộc nhóm ngành Kinh doanh và Quản lý (mã 734) (không tính nhóm ngành Tài chính – Ngân hàng đã liệt kê ở Nhóm 1), gồm: nhóm ngành Kinh doanh (73401), nhóm ngành Kế toán – Kiểm toán (73403), nhóm ngành Quản trị - Quản lý (73404)</p>  |
| 5 | <b>Quản lý kinh tế</b>     | <p>- Ngành/CTĐT đúng: Quản lý kinh tế; Kinh tế (7310101);<br/> - Ngành gần: Kinh tế đầu tư (7310104); Kinh tế phát triển (7310105); Kinh tế quốc tế (7310106);<br/> - Các CTĐT ở trình độ đại học có độ tương đồng <math>\geq 50\%</math> so với CTĐT Quản lý kinh tế của Trường ĐHTM: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Tài chính – Ngân hàng thương mại, Tài chính công, Marketing thương mại, Marketing số, Quản trị thương hiệu, Logistics và quản trị chuỗi cung ứng, Luật kinh tế, Luật thương mại quốc tế, Kế toán doanh nghiệp, Quản trị nhân lực doanh nghiệp, Quản trị thương mại điện tử và Tiếng Trung thương mại.</p>   | <p>- Các ngành Quản trị kinh doanh (7340101); Marketing (7340115); Kinh doanh quốc tế (7340120); Kinh doanh thương mại (7340121); Thương mại điện tử (7340122); Tài chính – ngân hàng (7340201); Bảo hiểm (7340204); Kế toán (7340301); Kiểm toán (7340302); Khoa học quản lý (7340401); Quản lý công (7340403); Quản trị nhân lực (7340404); Hệ thống thông tin quản lý (7340405); Logistics và quản lý chuỗi cung ứng (7510605); Luật kinh tế (7380107);<br/> - Các ngành còn lại không nằm trong danh mục kể trên nhưng trong CTĐT đại học có một trong các học phần sau: Kinh tế vĩ mô; Kinh tế vi mô; Kinh tế học;</p>   |

|   |                          |  |  |
|---|--------------------------|--|--|
|   |                          |  | Kinh tế ứng dụng hoặc một học phần thuộc lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý.   |
| 6 | <b>Quản trị nhân lực</b> | <p>- Ngành/CTĐT đúng: Quản trị nhân lực (7340404);</p> <p>- Ngành gần: Các ngành/CTĐT thuộc nhóm ngành Quản trị - quản lý (73404) gồm: Khoa học quản lý (7340401), Quản lý công (7340403), Hệ thống thông tin quản lý (7340405), Quản trị văn phòng (7340406), Quan hệ lao động (7340408), Quản lý dự án (7340409); Kinh tế và quản lý nguồn nhân lực/Kinh tế lao động (7310101); - Các ngành/CTĐT của Trường Đại học Thương mại 5 năm gần đây có trên 50% tín chỉ tương đồng: Quản trị kinh doanh, Tiếng Pháp thương mại, Tiếng Trung thương mại, Quản trị khách sạn, Quản trị du lịch và lữ hành, Marketing thương mại, Quản trị thương hiệu, Logistics và quản trị chuỗi cung ứng, Kinh doanh quốc tế, Kinh tế, Tài chính ngân hàng thương mại, Thương mại điện tử.</p> | <p>- Các ngành/CTĐT bao gồm: Kinh doanh (73401), Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm (73402), Kế toán - Kiểm toán (73403), các nhóm ngành thuộc lĩnh vực Kinh doanh và quản lý khác (73490), Kinh tế học (73101), Quản lý công nghiệp (75106), Quản lý xây dựng (75803), Quản lý y tế (77208), Quản lý tài nguyên môi trường (78501), Quản lý giáo dục (7140114), Quản lý văn hóa (7229042), Quản lý nhà nước (7310205), Quản lý thông tin (7320205), Kinh doanh xuất bản phẩm (7320402), Quản lý đô thị và công trình (7580106), Kinh doanh nông nghiệp (7620114), Kinh tế nông nghiệp (7620115), Quản lý tài nguyên rừng (7620211), Quản lý thủy sản (7620305), Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành và lữ hành (7810103), Quản trị khách sạn (7810201), Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống (7810202), Quản lý thể dục thể thao (7810301), Kinh tế gia đình (7810501), Quản lý hoạt động bay (7840102), Kinh tế vận tải (7840104), Quản lý nhà nước về an ninh trật tự (7860109), Quản lý trật tự an toàn giao thông (7860110), Bảo hộ lao động (7850201); Công tác xã hội (77601);</p> <p>- Các ngành còn lại không nằm trong danh mục kể trên nhưng trong CTĐT đại học có một trong các học phần sau: Kinh tế chính trị; Kinh tế vĩ mô; Kinh tế vi mô; Kinh tế học; Kinh tế ứng dụng hoặc một học phần thuộc lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý.</p> |

*Trong đó:*

- Nhóm 1: Áp dụng cho tất cả các Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng và định hướng nghiên cứu;
- Nhóm 2: Áp dụng cho Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng.

**Phụ lục 03: Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 và bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ**

**1. Danh mục các chứng chỉ/văn bằng**

| TT | Ngôn ngữ         | Chứng chỉ /Văn bằng                            | Trình độ/Thang điểm  |   |
|----|------------------|--|--|---|
|    |                  |  | Tương đương Bậc 3  | Tương đương Bậc 4   |
| 1  | Tiếng Anh        | TOEFL iBT                                      | 30 – 45  | 46 – 93   |
|    |                  | TOEFL ITP                                      | 450-499  |   |
|    |                  | IELTS  | 4.0 - 5.0  | 5.5 - 6.5   |
|    |                  | Cambridge Assessment English                   | B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/Linguaskill.<br>Thang điểm: 140-159 | B2 First/B2 Business Vantage/<br>Linguaskill. Thang điểm: 160-179 |
|    |                  | Aptis ESOL                                     | B1   | B2  |
|    |                  | TOEIC (4 kỹ năng)                              | Nghe: 275-399<br>Đọc: 275-384<br>Nói: 120-159<br>Viết: 120-149             | Nghe: 400-489<br>Đọc: 385-454<br>Nói: 160-179<br>Viết: 150-179    |
| 2  | Tiếng Pháp       | CIEP/Alliance française diplomas               | TCF: 300-399<br>Văn bằng DELF B1<br>Diplôme de Langue                      | TCF: 400-499<br>Văn bằng DELF B2<br>Diplôme de Langue             |
| 3  | Tiếng Đức        | Goethe - Institut                              | Goethe-Zertifikat B1   | Goethe-Zertifikat B2  |
|    |                  | The German TestDaF language certificate        | TestDaF Bậc 3 (TDN 3)  | TestDaF Bậc 4 (TDN 4)   |
| 4  | Tiếng Trung Quốc | Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)                    | HSK Bậc 3  | HSK Bậc 4   |
| 5  | Tiếng Nhật       | Japanese Language Proficiency Test (JLPT)      | N4   | N3  |
| 6  | Tiếng Nga        | ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному | ТРКИ-1   | ТРКИ-2  |

**Lưu ý:** Chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài được tổ chức thi và cấp tại Việt Nam trong thời gian từ ngày 10/9/2022 (khi Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT ngày 26/9/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài có hiệu lực thi hành) đến trước ngày được Bộ GDĐT phê duyệt liên kết tổ chức thi và Chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài thi theo hình thức Home Edition từ sau ngày 10/9/2022 không được chấp nhận trong xét điều kiện tuyển sinh và tốt nghiệp sau đại học.

**2. Danh mục các trường đại học được phép tổ chức thi và cấp chứng chỉ tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tính đến ngày 10/01/2023)**

| STT | Tên trường  | STT | Tên trường                            |
|-----|---|-----|---------------------------------------|
| 1   | Trường Đại học Thương mại                                     | 15  | Trường Đại học Quy Nhơn               |
| 2   | Trường ĐH Ngoại ngữ - Đại học Huế                             | 16  | Trường ĐH Tây Nguyên                  |
| 3   | Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Quốc gia Hà Nội                      | 17  | Trường ĐH Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng |
| 4   | Trường ĐH Công nghiệp TP.HCM                                  | 18  | Học viện Báo chí Tuyên truyền         |
| 5   | Trường ĐH Sư phạm TP.HCM                                      | 19  | Trường Đại học Thái Nguyên            |
| 6   | Trường Đại học Hà Nội   | 20  | Trường ĐH CN thực phẩm TP.HCM         |
| 7   | Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP.HCM | 21  | Trường ĐH Kinh tế - Tài chính TP.HCM  |
| 8   | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội                                 | 22  | Học viện Khoa học quân sự             |
| 9   | Trường Đại học Vinh   | 23  | Học viện Cảnh sát nhân dân            |
| 10  | Học viện An ninh nhân dân                                     | 24  | Trường Đại học Cần Thơ                |
| 11  | Trường Đại học Sài Gòn  | 25  | Trường Đại học Bách khoa Hà Nội       |
| 12  | Trường ĐH Ngân hàng TP.HCM                                    | 26  | Trường Đại học Nam Cần Thơ            |
| 13  | Trường Đại học Trà Vinh                                       | 27  | Trường Đại học Ngoại thương           |
| 14  | Trường Đại học Văn Lang                                       |     |                                       |